

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai;

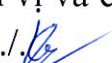
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 256/TTr-STC ngày 04 tháng 3 năm 2026; Văn bản số 2971/STC-NSNN ngày 19 tháng 3 năm 2026.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh khoản 3, Điều 21 Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 và điều chỉnh khoản 3, Điều 12 Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung khoản 4, Điều 12 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai; Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai; Khoa bạc Nhà nước Khu vực XVII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, KGVX.
(LP/Thắng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số: 1190/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Điều lệ này) quy định về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động, chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán, kiểm toán, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và một số nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất tỉnh.

b) Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi

a) Tên gọi tiếng Việt: Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai

b) Tên giao dịch quốc tế: Dong Nai Land Development Fund (viết tắt: DLDF)

2. Địa chỉ trụ sở: Số 211-213, đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

3. Điện thoại: 0251.3824021

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, hạch toán độc lập, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc và chức năng hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Việc sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chức năng hoạt động

Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9 và 10 Điều lệ này.

3. Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai hoạt động theo mô hình ủy thác do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai kiêm nhiệm quản lý điều hành hoạt động.

Điều 8. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ. Hội đồng quản lý gồm có 05 thành viên. Việc kiện toàn, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ theo quy định về phân cấp công tác cán bộ của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có:

- a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
- b) Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh kiêm Giám đốc Quỹ Phát triển đất: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thường trực.
- c) Lãnh đạo Sở Tài chính: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
- d) Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.
- đ) Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể,

chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ bao gồm một số nội dung sau:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu mỗi quý một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải có lý do. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ trì. Trong trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

c) Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý phải được lập biên bản.

d) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

đ) Chế độ tiền lương và phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành, quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm Trưởng ban và 02 thành viên. Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ đối với Trưởng Ban kiểm soát theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

e) Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành, quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ là cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai quản lý điều hành hoạt động.

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

d) Các phòng nghiệp vụ:

Quỹ Phát triển đất thực hiện ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển nên Quỹ không thành lập các phòng nghiệp vụ, mà sử dụng các phòng nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai để thực hiện nghiệp vụ của Quỹ Phát triển đất.

2. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành và sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

đ) Báo cáo xin ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định dừng việc ứng vốn và thu hồi vốn ứng đối với các Chủ đầu tư sử dụng vốn sai quy định và chậm hoàn trả vốn ứng theo cam kết trong phương án hoàn trả vốn ứng.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.

g) Chế độ phụ cấp của cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định hiện hành, quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm:

a) Vốn điều lệ: **7.000.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy nghìn tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Quỹ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ Phát triển đất.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước khu vực Quỹ đặt trụ sở, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước khu vực, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực

hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Trong thời gian tạm thời nhân rồi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Kế hoạch ứng vốn:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ Phát triển đất để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định 104/2024/NĐ-CP và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và Điều lệ này, theo nguyên tắc giao danh mục dự án, nhiệm vụ; mức vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cụ thể.

b) Định kỳ, đầu quý 4 hàng năm, các tổ chức được ứng vốn quy định tại Điều lệ này có văn bản đăng ký nhu cầu ứng vốn từ Quỹ cho kế hoạch năm sau và gửi về Quỹ.

c) Căn cứ đăng ký nhu cầu ứng vốn tại điểm b khoản này, Quỹ Phát triển đất rà soát điều kiện ứng vốn; tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào dự thảo Kế hoạch ứng vốn (năm sau), báo cáo Hội đồng quản lý thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch ứng vốn năm sau được phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

d) Trong năm kế hoạch nếu phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn ngoài kế hoạch từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định nêu trên.

2. Điều kiện ứng vốn:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng và cam kết hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

Giám đốc Quỹ quyết định mức ứng vốn đối với dự án có giá trị đến 50 tỷ đồng, Hội đồng quản lý quyết định mức ứng vốn đối với dự án có giá trị trên 50 tỷ đồng.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật; không sử dụng vốn ứng để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

7. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ không vượt quá mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ đối với dự án, nhiệm vụ cho phù hợp; mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ như sau:

Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất	Tổng số tiền ứng vốn thực tế của từng dự án, từng nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này)	x	Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất quy định tại khoản này
---	--	---	--

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức

được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Điều lệ này: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền được giao làm chủ đầu tư dự án: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền và thông báo cho tổ chức được ứng vốn biết để điều chỉnh, bổ sung hồ sơ.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Điều lệ này: 02 bản

chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền và thông báo cho tổ chức được ứng vốn biết để điều chỉnh, bổ sung hồ sơ.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

5. Trường hợp đến hạn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, nếu đơn vị ứng vốn không có nguồn hoàn trả thì đơn vị ứng vốn có trách nhiệm báo cáo lên Ủy ban nhân dân tỉnh xin gia hạn, đồng thời có văn bản gửi Quỹ về việc xin gia hạn khoản vốn ứng đến hạn trả nợ.

Điều 17. Ủy thác quản lý hoạt động Quỹ Phát triển đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh quản lý nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này thông qua quyết định ủy thác.

2. Quỹ Đầu tư phát triển chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh; không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất vào mục đích khác; Quỹ Phát triển đất thực hiện hạch toán và theo dõi toàn bộ vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều lệ này; không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ sang Quỹ nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai).

3. Quỹ trả phí ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ. Mức chi phí ủy thác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Quỹ.

4. Mức chi phí ủy thác được xem xét điều chỉnh hợp lý hàng năm trên cơ sở nguồn vốn ủy thác, nhưng tối đa không quá 50% khoản thu của Quỹ Phát triển đất.

Chương V **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN,** **KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO**

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này;

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi trả phí ủy thác quản lý Quỹ theo Điều 17 Điều lệ này;

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Chương VI**GIẢI THỂ QUỸ****Điều 21. Quy trình giải thể Quỹ**

Thực hiện theo Điều 23, Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất.

Chương VII**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 22. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án trước ngày Luật Đất đai 2024 và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà đã xác định ứng vốn từ nguồn Quỹ Phát triển đất để thực hiện đầu tư thì được tiếp tục ứng vốn để hoàn thiện dự án/nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ứng vốn đã ký. Việc ứng vốn được thực hiện theo quy trình, thủ tục, hồ sơ quy định tại chương IV của Điều lệ này.

2. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

3 Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nguồn vốn hiện có của Quỹ Phát triển đất (gồm vốn điều lệ đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật, nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật) tính đến ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được tính vào vốn điều lệ ban đầu của Quỹ xác định theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; trường hợp vốn điều lệ ban đầu của Quỹ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này lớn hơn số vốn hiện có thì vốn điều lệ của Quỹ còn thiếu thực hiện theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này, trường hợp nhỏ hơn số vốn hiện có thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về xác định nguồn vốn hiện có được tính vào vốn điều lệ ban đầu của Quỹ, Quỹ có trách nhiệm nộp khoản chênh lệch này vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

2. Các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, địa phương phản ánh bằng văn bản về Quỹ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng quy định của pháp luật./.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số **1190** /QĐ-UBND ngày **31** tháng **3** năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Không ghi vào khu
vực này

Số:
Năm NS:

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi Chuyên khoản
Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất Tiền mặt tại...
Tiền mặt tại...

Tên dự án: ...
Tổ chức được ứng vốn: ... Mã ĐVQHNS: ...
Tài khoản: ... Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...
Số CKC, HĐK: ...
Số CKC, HĐTH ...
Căn cứ Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất số: ... ngày... /.../..

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...
Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã chương: ...
Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...
Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...
Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...
Địa chỉ: ...
Tài khoản: ..., Mã CTMT, DA và HTCT: ...
Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...
Hoặc người nhận tiền: ...
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày: Nơi cấp: ...
Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

**PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN GHI****1. Nộp thuế:**

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã CQ thu: ...
Mã ĐBHC: ...

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC: ...

Ngày... tháng... năm...
NGƯỜI LÍNH TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày... tháng... năm...

THỦ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu